

Bản án số: 10/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 12 - 4 - 2019
V/v ly hôn giữa Chị Trần Thị H
và anh Nguyễn Quang Hạnh

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Ngọc Bích

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Dung, bà Nguyễn Thị Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Mạnh Thắng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Ngày 12 tháng 4 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Ý Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2019/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2019/QĐXXST - HNGĐ, ngày 22 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị H - Sinh năm 1991.

Địa chỉ: xã T, huyện T, tỉnh N.

Bị đơn: Anh Nguyễn Quang H- Sinh năm 1990.

Địa chỉ: Xã Y, huyện Y, tỉnh N.

Tại phiên tòa: Chị H, Anh H xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/01/2019, bản tự khai đề ngày 19/01/2019, nguyên đơn Chị H trình bày:

Chị kết hôn với Anh Nguyễn Quang H năm 2009, đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Y, tỉnh N . Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh chị không hợp nhau, Anh H không chịu tu chí làm ăn, nghiện chơi game, bỏ mặc mọi việc trong gia đình. Mọi

người trong gia đình đều khuyên can nhưng Anh H nghiện game quá nặng, đi chơi thâu đêm, không quan tâm gì đến vợ con, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Anh chị sống ly thân từ đầu năm 2012 đến nay. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn H.

Về con chung: Anh chị có một con chung là Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 04/02/2010. Chị H có nguyện vọng được nuôi con chung, không yêu cầu Anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung và các vấn đề khác có liên quan trong quan hệ hôn nhân: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai đề ngày 15/02/2019, bị đơn Anh H trình bày về thời gian và điều kiện kết hôn phù hợp với lời khai của Chị H. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống với nhau hạnh phúc được khoảng 02 năm nhưng trong khoảng thời gian này anh chị liên tục xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, cãi vã thường xuyên. Chị H chủ động bỏ gia đình anh về nhà bố mẹ để sống từ cuối năm 2013, anh chị sống ly thân từ đó cho đến nay. Anh xác định vợ chồng không thể tiếp tục sống với nhau được nữa nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và Chị H được ly hôn.

Về con chung: Anh xác nhận anh chị có 01 con chung như Chị H trình bày. Anh đề nghị Chị H nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

Về tài sản chung và các vấn đề khác có liên quan trong quan hệ hôn nhân: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Văn T là bố đẻ Anh H xác nhận về tình trạng hôn nhân của Chị H, Anh H phù hợp với lời khai của anh chị.

Anh H, Chị H đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án đã không tiến hành hòa giải và ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa: Chủ tọa phiên tòa công bố các tài liệu, chứng cứ ghi nội dung xin xét xử vắng mặt của Chị H, Anh H. Vụ án được xét xử vắng mặt đương sự theo khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận các vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Nguyễn Quang H có hộ khẩu thường trú tại xã Y, huyện Y, tỉnh N . Yêu cầu khởi kiện của Chị H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ý Yên là phù hợp quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa Chị H và Anh H được xác lập vào năm 2009, đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Y, tỉnh N là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi nhau. Chị H, Anh H cùng xác nhận mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng không thể hàn gắn, vợ chồng ly thân đã 06 năm nay nên cả hai cùng đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải mà giải quyết ly hôn cho anh chị. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của Chị H xử cho Chị H, Anh H ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Chị H, Anh H có một con chung là Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 04/02/2010. Chị H có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu Anh H cấp dưỡng nuôi con, Anh H cũng đồng ý với quan điểm của chị H. Để đáp ứng nguyện vọng cũng như đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung nên giao cho Chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Chấp nhận sự tự nguyện của Chị H không yêu cầu Anh H cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản và các vấn đề khác có liên quan trong quan hệ hôn nhân: Chị H, Anh H không yêu cầu giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa Chị Trần Thị H và Anh Nguyễn Quang H.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 04/02/2010 cho Chị H nuôi dưỡng. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung và các vấn đề khác có liên quan trong quan hệ hôn nhân: Chị H, Anh H không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm ly hôn: Chị H phải nộp là 300.000 đồng. Đối trừ với số tiền 300.000 đồng Chị H đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0001023, ngày 23/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định Chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Chị H, Anh H được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh: 01 bản;
- VKSND Tỉnh+Huyện: 02 bản;
- Chi cục Thi hành án dân sự: 01 bản;
- Các đương sự: 01 bản;
- UBND xã Y: 01 bản;
- UBND xã T: 01 bản;
- Hồ sơ vụ án: 01 bản;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Thị Ngọc Bích